

Bản án số: 42/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 28-5-2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Huỳnh Thanh Nhân

2/ Bà Nguyễn Thị Kim Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu

T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hện CT tham gia phiên tòa:

Ông Võ M Mẫn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 786/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2017 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐXX-ST ngày 18 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà H T N T, sinh năm 1972 (có mặt)

Trú quán: Tổ 2, ấp BL, xã HĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh.

Tạm trú: Tổ 2, khu phố 1, thị trấn CT, Hện CT, tỉnh Tây Ninh

2. *Bị đơn:* Ông P V M - sinh năm 1969 (có mặt)

Trú quán: Tổ 2, ấp BL, xã HĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam

Địa chỉ: Số 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông D Q T- Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Ng V H- Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách Xã hội huyện CT; Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn CT, huyện CT, tỉnh Tây Ninh (vắng có đơn).

- Anh P M T- sinh năm 1997 (có mặt)

Trú quán: Tổ 2, ấp BL, xã HĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh.

Tạm trú: Tổ 2, khu phố 1, thị trấn CT, huyện CT, tỉnh Tây Ninh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 12 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà H T N T trình bày: Bà và ông M chung sống với nhau

vào năm 1988, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HĐ, Hện CT, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng sống chung phát sinh mâu thuẫn vào năm 2014, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm hay cãi nhau, ông M thường xuyên uống rượu về nhà kiếm cHện đập phá đồ đạc trong nhà, nên bà và các con bà đã bỏ nhà đi từ năm 2017 đến nay, nay yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông M.

Về con chung: Có 03 con chung là Phạm M T - sinh năm 1991, P M T- sinh năm 1997, Phạm M Đ - sinh năm 2005, cháu T và cháu T đã trưởng T không yêu cầu giải quyết, riêng cháu Đ theo bà thì bà nuôi dưỡng, bà không yêu cầu cấp dưỡng.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Nợ Ngân hàng chính Sách Xã hội huyện CT tiền vay hộ nghèo, nước sạch, vay sinh viên, tổng cộng còn nợ 40.500.000 đồng, ngoài ra nợ người khác đã thỏa thuận xong, không yêu cầu, nay bà và con bà tên T nhận trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng không yêu cầu ông M trả nợ,

Tại lời khai ngày 03 tháng 01 năm 2018, bị đơn ông P V M trình bày: Thời gian ông và bà T chung sống với nhau và đăng ký kết hôn như bà T trình bày là đúng, Vợ chồng cũng có mâu thuẫn, cãi vã nhau nhưng ông muốn vợ chồng hàn gắn lại cùng làm ăn nuôi con và trả nợ Ngân hàng, nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 03 con chung như bà T khai, hai con lớn đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết, người con nhỏ theo ai người đó nuôi không cấp dưỡng.

Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Vợ chồng nợ chung của Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện CT tiền vay hộ nghèo còn nợ 5.000.000 đồng, ngoài ra các khoản nợ khác do bà T vay ông không biết, bà T nhận trách nhiệm trả nợ hết, nên ông không có ý kiến gì.

Tại đơn khởi kiện ngày 09/01/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện CT trình bày: Ông P V M và bà H T N T có vay của Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội Hện CT theo các hợp đồng tín dụng:

- Ngày 08/12/2015 vay chương trình sinh viên 23.500.000 đồng;
- Ngày 25/3/2017 vay chương trình nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn 12.000.000 đồng;
- Ngày 05/9/2012 vay chương trình Hộ nghèo còn nợ 5.000.000 đồng, tổng cộng tính đến ngày 17/01/2018 là 40.500.000 đồng. Nay yêu cầu buộc bà T và ông M trả tất nợ cho Ngân hàng nợ gốc và lãi phát sinh.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự, những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014, Nghị quyết số 326 về án phí lệ phí: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Con lớn trưởng thành không yêu cầu giải quyết, người con nhỏ giao cho bà T tiếp tục nuôi con, ông M không phải cấp dưỡng nuôi

con; Tài sản chung, không yêu cầu giải quyết, nợ chung bà T và anh T có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng và phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng, Hoại ñoàng xeùt xõu nhaän ñoành:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ông Ng V H đại diện Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên cần áp dụng vào Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông H.

Bà H T N T khởi kiện xin ly hôn với ông P V M, có hộ khẩu thường trú tại xã HĐ, Hện CT, theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Hện CT, tỉnh Tây Ninh.

[2]. Về nội dung:

Xét về quan hệ hôn nhân: Bà H T N T và ông P V M chung sống với nhau vào năm 1988, đăng ký kết hôn ngày 16 tháng 6 năm 1997 tại Ủy ban nhân dân xã HĐ, Hện CT, tỉnh Tây Ninh, nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Quá trình vợ chồng sống chung đến năm 2014 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2017 đến nay, bà T xác định vợ chồng không thể hàn gắn được, yêu cầu được ly hôn với ông M. Ông M xác định vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không đồng ý ly hôn là không phù hợp, vì giữa bà T với ông M mâu thuẫn trầm trọng, nên bà T cùng các con phải đi thuê chỗ khác để ở vào năm 2017 đến nay, thời gian bà T cùng các con ở chỗ khác, ông M không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng, Do đó, giữa bà T và ông M không còn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T là có cơ sở phù hợp.

[3]. Về con chung: Bà T và ông M thống nhất có 03 con chung tên Phạm M T - sinh năm 1991, P M T- sinh năm 1997, Phạm M Đ - sinh năm 2005, cháu T và cháu T đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Ý kiến bà T yêu cầu nuôi cháu Đ, không yêu cầu cấp dưỡng; Ý kiến của ông M người con nhỏ theo ai người đó nuôi không cấp dưỡng. Qua hỏi nguyện vọng của cháu Đ, cháu có nguyện vọng được sống với bà T, nên cần giao cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đ là phù hợp. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng bà T không yêu cầu cấp dưỡng, nên ông M không phải cấp dưỡng nuôi cháu Đ.

Ông M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai có quyền cản trở.

[4]. Tọai saün chung: Bà T và ông M không yêu cầu giải quyết,

[5]. Nợ chung: Nợ Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện CT số tiền 40.500.000 đồng, trong đó tiền vay hộ nghèo còn nợ 5.000.000đ, vay nước sạch 12.000.000đ, vay sinh viên 23.500.000đ. Ông M chỉ thừa nhận nợ chung Ngân hàng 5.000.000đ tiền hộ nghèo, còn số nợ khác ông không biết, bà T nhận trách nhiệm trả hết nợ cho Ngân hàng, ông không có ý kiến. Tại phiên tòa, ông M khai đồng ý cùng

bà T trả nợ cho Ngân hàng 5.000.000đ, nhưng bà T và anh T giữ ý kiến nhận trách nhiệm trả hết nợ cho Ngân hàng, không yêu cầu ông M trả nợ. Đối với Ngân hàng vắng mặt nhưng có ý kiến đồng ý để bà T và anh T có trách nhiệm trả hết nợ cho Ngân hàng, không yêu cầu ông M trả nợ. Nên bà T và anh T có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng số tiền vốn 40.500.000 đồng và lãi suất phát sinh theo hợp đồng; ông M không phải trả nợ cho Ngân hàng.

Ngoài ra ông T V Svà bà Ng T T H khai, ông M bà T còn nợ 01 chỉ vàng 24k, bà L T N khai ông M bà T còn nợ 13.000.000 đồng và Công ty tài chính Sài Gòn khai bà T còn nợ 77.000 đồng, nhưng không yêu cầu giải quyết, từ chối tham gia trong vụ án. Nên không đặt ra giải quyết và không đưa họ tham gia tố tụng trong vụ án, sau này có phát sinh tranh chấp được giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[6]. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện CT đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở phù hợp.

[7]. Về án phí: Bà T phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 /12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 471, 474 và Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H T N T đối với Ông P V M.

Bà H T N T và ông P V M được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cho bà T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Phạm M Đ - sinh ngày 17/11/2005.

Ông M không phải cấp dưỡng nuôi cháu Đ, do bà T không yêu cầu.

Ông M có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai có quyền cản trở.

Riêng cháu Phạm M T - sinh năm 1991 và P M T- sinh năm 1997 đã trưởng thành, bà T và ông M không yêu cầu giải quyết.

3. Tài sản chung: Bà T và ông M không yêu cầu giải quyết;

4. Nợ chung: Bà H T N T và anh P M Tliên đới có trách nhiệm trả nợ cho Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện CT, tỉnh Tây Ninh số tiền vốn 40.500.000 đồng và lãi suất phát sinh theo các hợp đồng đã ký ngày 05/9/2012, ngày 08/12/2015 và ngày 25/3/2017.

Ghi nhận bà T, anh T và Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện CT, tỉnh Tây Ninh không yêu cầu ông M trả nợ.

5. Về án phí: Bà T phải chịu 300.000đ tiền án phí hoàn nhân sơ thẩm, những khoản khác vào số tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu

soá 0018527 ngày 20/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, bà T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

Bà T và anh T liên đới phải chịu 2.025.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi cư trú.

Trường hợp, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thịnh